

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH
THÁI NGUYÊN
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

uigeli.xyz
THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026 (Đợt 2)
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 0901

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Hiện nay, ảnh hưởng chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. nhiều vùng trũng bị ngập, tăng cường lượng phù sa hằng năm, thu hẹp diện tích đất canh tác.
B. gia tăng cường độ lũ, thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt, thay đổi dòng chảy của sông.
C. nước biển dâng; gia tăng xâm nhập mặn và sạt lở bờ sông, bờ biển; mùa khô thiếu nước ngọt.
D. sụt lún nhiều vùng cửa sông, tăng nguy cơ mất đất sản xuất, nước mặn lấn sâu vào nội đồng.

Câu 2. Thế mạnh nổi bật trong thời kì cơ cấu dân số vàng của nước ta hiện nay là

- A. lực lượng lao động dồi dào. B. lao động có nhiều kinh nghiệm.
C. trình độ lao động ở mức cao. D. nguồn dự trữ lao động lớn.

Câu 3. Hiện nay, khu du lịch nào sau đây của nước ta đã được công nhận là khu du lịch cấp quốc gia?

- A. Sa Pa (Lào Cai). B. Tràng An (Ninh Bình). C. Cát Bà (TP Hải Phòng). D. Lăng Cô (TP Huế).

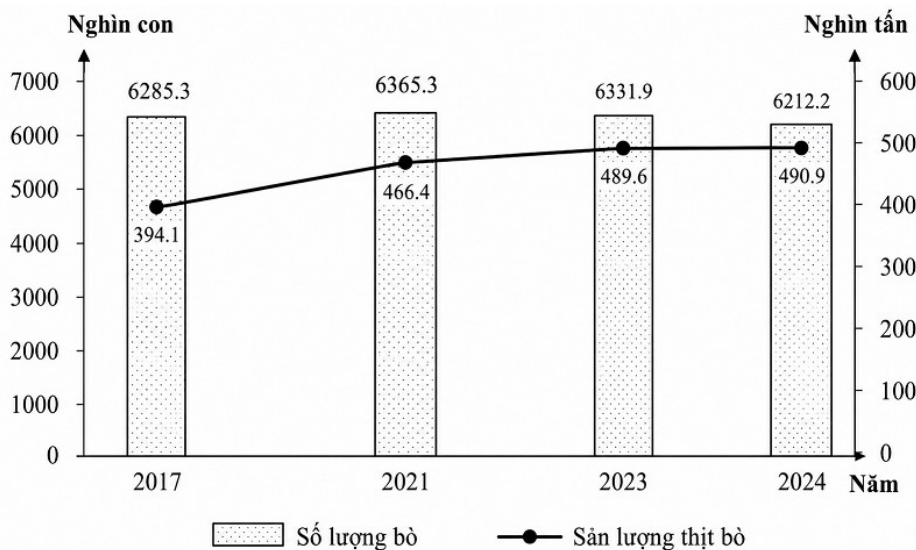
Câu 4. Lao động nông thôn ở nước ta hiện nay

- A. có nhiều kinh nghiệm trong công nghiệp. B. phần lớn đã qua đào tạo nghề nghiệp.
C. chỉ hoạt động trong ngành nông nghiệp. D. có số lượng lớn hơn khu vực thành thị.

Câu 5. Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

- A. đất phù sa. B. đất xám bạc màu. C. đất mùn thô. D. đất feralit.

Câu 6. Cho biểu đồ sau:



Số lượng bò và sản lượng thịt bò của nước ta, giai đoạn 2017 – 2024

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Số lượng bò và sản lượng thịt bò tăng liên tục.
B. Năm 2024 so với năm 2017, số lượng bò tăng 73,1 nghìn con.
C. Số lượng bò và sản lượng thịt bò giảm liên tục.
D. Năm 2024 so với năm 2017, sản lượng thịt bò tăng hơn 1,2 lần.

Câu 7. Vị trí địa lí của nước ta tạo điều kiện thuận lợi chủ yếu cho

- A. phát triển kinh tế nhiều thành phần. B. phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt đới.
C. bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc phòng. D. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 8. Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?

- A. Gió phơn Tây Nam. B. Gió mùa Tây Nam. C. Gió mùa Đông Bắc. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 9. Cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng

- A. tăng tỉ trọng kinh tế Nhà nước.
- B. công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. chú trọng sản xuất nông nghiệp.
- D. ưu tiên ngành cần nhiều lao động.

Câu 10. Hạn chế chủ yếu đối với phát triển kinh tế - xã hội của Đông Nam Bộ hiện nay là

- A. khí hậu phân mùa, thiếu khoáng sản kim loại.
- B. thiếu nước vào mùa khô, tỉ lệ dân nhập cư cao.
- C. tài nguyên nước suy giảm, biến đổi khí hậu.
- D. mật độ dân số cao, ảnh hưởng của triều cường.

Câu 11. Hiện nay, nguồn điện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta là

- A. điện gió.
- B. thủy điện.
- C. điện mặt trời.
- D. nhiệt điện.

Câu 12. Vùng Bắc Trung Bộ không tiếp giáp với vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Trung du và miền núi phía Bắc.

Câu 13. Hiện nay, giải pháp nào sau đây phù hợp nhất để nâng cao hiệu quả phát triển du lịch liên vùng ở Nam Trung Bộ?

- A. Xây dựng các tuyến du lịch kết hợp biển – cao nguyên, kết nối giao thông.
- B. Hiện đại hoá cơ sở hạ tầng du lịch, quảng bá thương hiệu các điểm du lịch.
- C. Phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển – đảo, du lịch sinh thái – thể thao biển.
- D. Ưu tiên du lịch sinh thái rừng, trải nghiệm không gian văn hoá các dân tộc.

Câu 14. Thế mạnh chủ yếu để phát triển các ngành công nghiệp hiện đại ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay là

- A. lịch sử phát triển sớm, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- B. vị trí địa lí thuận lợi, nguồn khoáng sản phong phú.
- C. quy mô dân số đông, có nhiều kinh nghiệm sản xuất.
- D. lao động có trình độ cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 15. Ở nước ta, mưa lớn sau hoàn lưu bão thường gây ra thiên tai nào ở khu vực miền núi miền núi?

- A. Lũ quét.
- B. Ngập lụt.
- C. Xâm nhập mặn.
- D. Động đất.

Câu 16. Cây công nghiệp quan trọng số một của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. cà phê.
- B. quế.
- C. hồi.
- D. chè.

Câu 17. Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Trung du và miền núi phía Bắc.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 18. Giữa vùng cao nguyên phía tây và đồng bằng ven biển phía đông của vùng Nam Trung Bộ có sự đối lập về thời gian mùa mưa và mùa khô là do

- A. dãy Bạch Mã kết hợp với ảnh hưởng của các loại gió.
- B. dãy Hoàng Sơn kết hợp với ảnh hưởng của các loại gió.
- C. dãy Trường Sơn Nam kết hợp với ảnh hưởng của các loại gió.
- D. dãy Trường Sơn Bắc kết hợp với ảnh hưởng của các loại gió.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

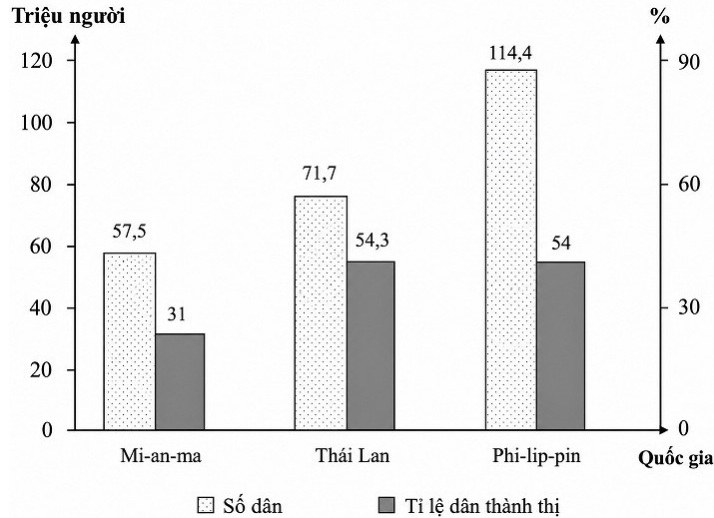
Câu 1. Cho thông tin sau:

Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nhiệt, ẩm cao và các loại gió hoạt động theo mùa. Đặc điểm khí hậu này đã tác động sâu sắc tới tất cả các thành phần địa lí tự nhiên, trong đó có địa hình. Biểu hiện rõ rệt nhất của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa là quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi và bồi tụ nhanh ở các đồng bằng hạ lưu sông. Khi lên các đỉnh núi cao, tính chất nhiệt đới của khí hậu bị suy giảm.

- a) Các vùng núi cao ở nước ta có khí hậu mát mẻ, tạo thuận lợi cho việc phát triển các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới và ngành du lịch.
- b) Địa hình cacx-tơ ở nước ta là kết quả tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa trên vùng núi đá vôi.
- c) Địa hình làm khí hậu có sự phân hóa theo đai cao, tuy nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta có nền nhiệt thấp hơn nên sự phân hóa khí hậu theo đai cao ở miền Nam và miền Bắc không hoàn toàn giống nhau.

d) Quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi kéo theo sụt lún ở đồng bằng.

Câu 2. Cho biểu đồ sau:



Số dân và tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2024

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, NXB Thống kê, 2024)

- Số dân thành thị của Phi-lip-pin gấp 2,5 lần số dân thành thị của Mi-an-ma.
- Số dân thành thị của Thái Lan thấp nhất.
- Số dân của Phi-lip-pin cao nhất, tỉ lệ dân thành thị của Mi-an-ma thấp nhất.
- Số dân thành thị của Phi-lip-pin cao nhất.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Hiện nay, hoạt động ngoại thương của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá. Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào năm 2007. Hiện nay nước ta có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu có sự thay đổi theo hướng tăng tỉ trọng xuất khẩu.

- Giải pháp quan trọng nhất để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là sản xuất số lượng lớn, đa dạng hoá các mặt hàng.
- Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta chuyển từ xuất siêu sang nhập siêu.
- Trị giá xuất khẩu của nước ta tăng trong thời gian gần đây là do sản xuất phát triển, mở rộng thị trường.
- Nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu trị giá hàng xuất khẩu do nguồn lực phát triển đa dạng, hiệu quả cao.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Ở vùng Nam Trung Bộ hiện nay, khai thác hải sản phát triển mạnh, đóng góp chủ yếu vào cơ cấu sản lượng hải sản của vùng (chiếm hơn 90% sản lượng hải sản). Các sản phẩm khai thác ngày càng đa dạng, trong đó nhiều loại có giá trị kinh tế cao như cá thu, cá ngừ, tôm, mực,... Các tỉnh có sản lượng hải sản khai thác dẫn đầu là Quảng Ngãi, Khánh Hòa,...

- Vùng Nam Trung Bộ không có hoạt động nuôi trồng hải sản.
- Nam Trung Bộ cần đẩy mạnh hoạt động chế biến nhằm nâng cao giá trị hải sản, tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu.
- Cần đẩy mạnh khai thác hải sản ven bờ nhằm khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi hải sản, nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.
- Hoạt động khai thác hải sản phát triển mạnh do có nhiều bãi tôm, bãi cá thuộc các ngư trường trọng điểm, phương tiện khai thác được đầu tư.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, vùng Đồng bằng sông Hồng có dân số là 24 753,3 nghìn người; sản lượng lương thực có hạt là 5 838,3 nghìn tấn. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2024 là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của nước ta năm 2020 và năm 2024

Năm	2020	2024
Tổng sản lượng (nghìn tấn)	8 635,7	9 676,2
Tỉ trọng thủy sản khai thác (%)	45,1	39,9
Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng (%)	54,9	60,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng thủy sản khai thác năm 2024 nhỏ hơn sản lượng thủy sản khai thác năm 2020 bao nhiêu nghìn tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2024, nước ta có tỉ suất sinh thô là 13,5‰; tỉ suất tử thô là 5,6‰. Hãy cho biết, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại trạm quan trắc Nam Định, năm 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	46,3	20,6	83,8	19,6	253,0	275,0	526,0	270,8	831,8	60,6	12,3	3,7

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tại trạm quan trắc Nam Định, lượng mưa trung bình năm 2024 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Mức nước sông Đà tại trạm Lai Châu (Mường Lay) và trạm Hoà Bình, năm 2024

(Đơn vị: cm)

Mức nước	Cao nhất	Thấp nhất
Trạm Lai Châu (Mường Lay)	21 526	19 705
Trạm Hoà Bình	1 642	676

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, chênh lệch giữa mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất của sông Đà tại trạm Lai Châu (Mường Lay) lớn hơn chênh lệch giữa mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất của sông Đà tại trạm Hòa Bình là bao nhiêu cm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa của nước ta năm 2021 và năm 2024

Năm	2021	2024
Diện tích (triệu ha)	7,24	7,13
Sản lượng (triệu tấn)	43,9	43,5

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lúa năm 2024 lớn hơn năng suất lúa năm 2021 bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

Phần I.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	C	A	A	D	D	D	D	B	B	B	D	C	A	D	A	D	C	C

Phần II.

Câu	a	b	c	d
1	Đ	Đ	S	S
2	S	S	Đ	Đ
3	S	S	Đ	Đ
4	S	Đ	S	Đ

Phần III.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	236	34	0,79	200	855	0,4

LỜI GIẢI THAM KHẢO**PHẦN I.****Câu 1. Đáp án C.**

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng thấp, chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Biểu hiện rõ nhất hiện nay là nước biển dâng, xâm nhập mặn sâu vào nội đồng, sạt lở bờ sông, bờ biển và mùa khô thiếu nước ngọt.

Các phương án A, B, D có một số ý đúng nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác bằng C. Đặc biệt, biến đổi khí hậu không làm “tăng cường lượng phù sa hằng năm” như phương án A.

Câu 2. Đáp án A.

Thời kì cơ cấu dân số vàng là thời kì tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao. Vì vậy thế mạnh nổi bật nhất của nước ta là có lực lượng lao động dồi dào.

Phương án B, C chưa đúng vì lao động nước ta không phải chủ yếu mạnh ở “nhiều kinh nghiệm” hay “trình độ cao”. Phương án D không chính xác bằng A.

Câu 3. Đáp án A.

Khu du lịch Sa Pa của tỉnh Lào Cai đã được công nhận là khu du lịch quốc gia.

Các địa danh Tràng An, Cát Bà, Lăng Cô đều là những điểm du lịch nổi tiếng, nhưng theo yêu cầu câu hỏi và đáp án mã đề 0901, chọn Sa Pa.

Câu 4. Đáp án D.

Lao động nông thôn ở nước ta hiện nay vẫn chiếm số lượng lớn hơn lao động thành thị. Đây là đặc điểm gắn với cơ cấu dân cư nước ta, mặc dù quá trình đô thị hóa đang diễn ra.

A sai vì lao động nông thôn không có thế mạnh chủ yếu trong công nghiệp.

B sai vì phần lớn lao động nông thôn chưa qua đào tạo nghề nghiệp.

C sai vì lao động nông thôn không chỉ làm nông nghiệp, mà còn tham gia công nghiệp, dịch vụ, tiêu thụ công nghiệp,...

Câu 5. Đáp án D.

Đất feralit là loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta vì địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa làm quá trình feralit diễn ra mạnh.

Đất phù sa chủ yếu phân bố ở đồng bằng. Đất xám bạc màu, đất mùn thô có diện tích nhỏ hơn.

Câu 6. Đáp án D.

Từ biểu đồ:

394,1

Năm 2017, sản lượng thịt bò là nghìn tấn.

490,9

Năm 2024, sản lượng thịt bò là nghìn tấn.

$490,9 : 394,1 \approx 1,25$

1,2

Tỉ số tăng là lần, tức là tăng hơn lần. Vì vậy D đúng.

Xét các phương án khác:

A sai vì số lượng bò không tăng liên tục, năm 2024 giảm so với năm 2023.

6212,2

6285,3

73,1

B sai vì số lượng bò năm 2024 là nghìn con, năm 2017 là nghìn con, tức giảm nghìn con chứ không tăng.

C sai vì sản lượng thịt bò tăng, không giảm liên tục.

Câu 7. Đáp án D.

Vị trí địa lí nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc, tiếp giáp Biển Đông, chịu ảnh hưởng của gió mùa nên thuận lợi chủ yếu cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

Phương án B sai vì nước ta chủ yếu phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, không phải cận nhiệt đới.

A và C không phải thuận lợi chủ yếu do vị trí địa lí trong câu hỏi này.

Câu 8. Đáp án B.

Vào giữa và cuối mùa hạ, gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh, mang hơi ẩm từ biển vào gây mưa lớn cho nhiều nơi ở nước ta.

Gió phơn Tây Nam gây thời tiết khô nóng.

Gió mùa Đông Bắc hoạt động chủ yếu vào mùa đông.

Tín phong bán cầu Bắc không phải nguyên nhân chính gây mưa lớn giữa và cuối mùa hạ.

Câu 9. Đáp án B.

Cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Biểu hiện là giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản; tăng tỉ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

A sai vì không phải tăng tỉ trọng kinh tế Nhà nước là xu hướng chính.

C sai vì không phải chú trọng sản xuất nông nghiệp là hướng chuyển dịch chủ yếu.

D sai vì nền kinh tế không ưu tiên các ngành cần nhiều lao động mà hướng tới tăng năng suất, chất lượng, công nghệ.

Câu 10. Đáp án B.

Đông Nam Bộ có mùa khô sâu sắc, nhu cầu nước lớn cho công nghiệp, đô thị và nông nghiệp nên thiếu nước vào mùa khô là hạn chế quan trọng. Đồng thời, vùng có tỉ lệ dân nhập cư cao, gây sức ép lên việc làm, nhà ở, hạ tầng và môi trường đô thị.

Các phương án khác có ý đúng một phần nhưng chưa nêu đúng hạn chế chủ yếu bằng B.

Câu 11. Đáp án D.

Hiện nay, nhiệt điện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta. Nhiệt điện gồm nhiệt điện than, khí, dầu,... và có vai trò lớn trong hệ thống điện quốc gia. Thủy điện từng giữ vai trò rất quan trọng nhưng hiện nay tỉ trọng không cao nhất. Điện gió và điện mặt trời phát triển nhanh nhưng tỉ trọng chưa lớn nhất.

Câu 12. Đáp án C.

Bắc Trung Bộ tiếp giáp Đồng bằng sông Hồng ở phía bắc, Trung du và miền núi phía Bắc ở phía tây bắc, Nam Trung Bộ ở phía nam. Vùng này không tiếp giáp Đông Nam Bộ. Vì vậy chọn C.

Câu 13. Đáp án A.

Câu hỏi yêu cầu giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển du lịch liên vùng ở Nam Trung Bộ. Muốn phát triển liên vùng cần kết nối không gian du lịch biển – cao nguyên, đồng thời hoàn thiện giao thông để liên kết Nam Trung Bộ với Tây Nguyên và các vùng khác.

Vì vậy giải pháp phù hợp nhất là xây dựng các tuyến du lịch kết hợp biển – cao nguyên, kết nối giao thông. B, C chỉ tập trung vào hạ tầng hoặc du lịch biển, chưa thể hiện rõ tính liên vùng. D phù hợp hơn với du lịch Tây Nguyên.

Câu 14. Đáp án D.

Đồng bằng sông Hồng có nguồn lao động dồi dào, trình độ cao, cơ sở hạ tầng tốt, thu hút nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước. Đây là thế mạnh quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp hiện đại như điện tử, công nghệ cao, cơ khí chính xác,...

A chưa phải thế mạnh chủ yếu cho công nghiệp hiện đại.

B sai vì Đồng bằng sông Hồng không giàu khoáng sản.

C chỉ nói dân số đông và kinh nghiệm sản xuất, chưa đủ để phát triển công nghiệp hiện đại.

Câu 15. Đáp án A.

Ở khu vực miền núi, mưa lớn sau hoàn lưu bão thường gây lũ quét, sạt lở đất do địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị suy giảm, đất đá dễ bị cuốn trôi. Trong các phương án, thiên tai phù hợp nhất là lũ quét.

Ngập lụt thường phổ biến hơn ở đồng bằng, vùng trũng. Xâm nhập mặn xảy ra ở vùng ven biển, cửa sông.

Động đất không phải thiên tai do mưa lớn sau bão.

Câu 16. Đáp án D.

Cây công nghiệp quan trọng số một của Trung du và miền núi phía Bắc là chè. Vùng này có khí hậu cận nhiệt, đất feralit, địa hình đồi núi thuận lợi cho cây chè phát triển.

Các tỉnh nổi tiếng về chè gồm Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang,...

Câu 17. Đáp án C.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta hiện nay. Vùng có diện tích đất phù sa rộng, khí hậu nóng ẩm, nguồn nước dồi dào, hệ thống sông ngòi – kênh rạch phát triển, thuận lợi cho trồng lúa.

Đồng bằng sông Hồng cũng là vùng lương thực quan trọng nhưng quy mô sản xuất nhỏ hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18. Đáp án C.

Sự đối lập về thời gian mùa mưa và mùa khô giữa cao nguyên phía tây và đồng bằng ven biển phía đông của Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của dãy Trường Sơn Nam kết hợp với các loại gió.

Khi gió mùa Tây Nam hoạt động, sườn tây Trường Sơn Nam đón gió gây mưa cho Tây Nguyên, còn ven biển Nam Trung Bộ khuất gió nên khô nóng. Cuối năm, gió mùa Đông Bắc kết hợp địa hình lại gây mưa

nhiều cho ven biển Nam Trung Bộ.
Vì vậy chọn C.

PHẦN II.

Câu 1

a) Đúng.

Các vùng núi cao có khí hậu mát mẻ do nhiệt độ giảm theo độ cao. Trung bình lên cao $100m$, nhiệt độ giảm $0,6^{\circ}C$

khoảng . Vì vậy thuận lợi cho cây cận nhiệt, ôn đới như chè, rau quả ôn đới và phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

b) Đúng.

Địa hình cacx-tơ hình thành chủ yếu trên đá vôi dưới tác động hòa tan, xâm thực của nước trong điều kiện CO_2

khí hậu nhiệt đới ẩm. Nước mưa nhiều, giàu làm đá vôi bị hòa tan, tạo hang động, thung khô, suối cạn,...

c) Sai.

Địa hình làm khí hậu phân hóa theo đai cao là đúng, nhưng câu này sai ở ý “phần lãnh thổ phía Nam nước ta có nền nhiệt thấp hơn”. Thực tế, miền Nam có nền nhiệt cao hơn miền Bắc do nằm gần xích đạo hơn, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

d) Sai.

Quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi thường làm vật liệu bị bóc mòn, vận chuyển xuống hạ lưu và gây bồi tụ nhanh ở đồng bằng. Không thể nói xâm thực mạnh ở đồi núi kéo theo sụt lún ở đồng bằng.

Câu 2

Dữ liệu:

	57,5	31%
Mi-an-ma có số dân	triệu người, tỉ lệ dân thành thị	.
	71,7	54,3%
Thái Lan có số dân	triệu người, tỉ lệ dân thành thị	.
	114,4	54%
Phi-lip-pin có số dân	triệu người, tỉ lệ dân thành thị	.

Tính số dân thành thị:

$$57,5 \times 31\% = 17,825$$

Mi-an-ma: triệu người.

$$71,7 \times 54,3\% \approx 38,933$$

Thái Lan: triệu người.

$$114,4 \times 54\% = 61,776$$

Phi-lip-pin: triệu người.

a) Sai.

$$61,776 : 17,825 \approx 3,47 \quad 2,5$$

Tỉ số dân thành thị của Phi-lip-pin so với Mi-an-ma là lần, không phải lần.

b) Sai.

38,933

Số dân thành thị của Thái Lan khoảng triệu người, không thấp nhất. Mi-an-ma mới là thấp nhất với 17,825 khoảng triệu người.

c) Đúng.

114,4

31%

Phi-lip-pin có số dân cao nhất là triệu người. Mi-an-ma có tỉ lệ dân thành thị thấp nhất là .

d) Đúng.

61,776

Số dân thành thị của Phi-lip-pin là khoảng triệu người, cao nhất trong ba quốc gia.

Câu 3

a) Sai.

Để đẩy mạnh xuất khẩu, quan trọng không chỉ là sản xuất số lượng lớn, mà phải nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường. Vì vậy nói “sản xuất số lượng lớn” là giải pháp quan trọng nhất thì chưa chính xác.

b) Sai.

Giai đoạn gần đây, nước ta không chuyển từ xuất siêu sang nhập siêu một cách chủ yếu; Việt Nam nhiều năm duy trì xuất siêu. Vì vậy nhận định này sai.

c) Đúng.

Trị giá xuất khẩu tăng do sản xuất trong nước phát triển, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo; đồng thời thị trường xuất khẩu được mở rộng nhờ hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Đúng.

Nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu xuất khẩu do công nghiệp phát triển, thu hút vốn đầu tư, lao động ngày càng có chất lượng hơn, thị trường mở rộng và hiệu quả sản xuất cao hơn.

Câu 4

a) Sai.

Nam Trung Bộ không chỉ khai thác hải sản mà còn có hoạt động nuôi trồng hải sản, nhất là nuôi tôm, cá biển, nhuyễn thể,... Vì vậy nói vùng này không có hoạt động nuôi trồng hải sản là sai.

b) Đúng.

Đẩy mạnh chế biến giúp nâng cao giá trị hải sản, bảo quản tốt hơn, đa dạng sản phẩm và tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao.

c) Sai.

Không nên đẩy mạnh khai thác ven bờ vì dễ làm cạn kiệt nguồn lợi hải sản. Hướng đúng là giảm khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi và chủ quyền biển đảo.

d) Đúng.

Nam Trung Bộ có nhiều bãi cá, bãi tôm, gần các ngư trường lớn; phương tiện khai thác ngày càng được đầu tư nên hoạt động khai thác hải sản phát triển mạnh.

PHẦN III.**Câu 1**

24,753,3

Dân số Đồng bằng sông Hồng năm 2024 là nghìn người.
5,838,3

Sản lượng lương thực có hạt là nghìn tấn.

Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người là:
 $5,838,3 \times 1000 : 24,753,3 \approx 235,86$
kg/người.

236

Làm tròn đến hàng đơn vị: kg/người.

Đáp án: 236.**Câu 2**

Sản lượng thủy sản khai thác năm 2020 là:
 $8,635,7 \times 45,1\% = 3,894,7007$
nghìn tấn.

Sản lượng thủy sản khai thác năm 2024 là:
 $9,676,2 \times 39,9\% = 3,860,8038$
nghìn tấn.

Sản lượng thủy sản khai thác năm 2024 nhỏ hơn năm 2020 là:
 $3,894,7007 - 3,860,8038 = 33,8969$
nghìn tấn.

34

Làm tròn đến hàng đơn vị: nghìn tấn.

Đáp án: 34.**Câu 3**

Tỉ suất sinh thô là 13,5‰.
Tỉ suất tử thô là 5,6‰.

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là:

$$13,5 - 5,6 = 7,9$$

Đổi ra phần trăm:

$$7,9 = 0,79\%$$

$$0,79\%$$

Làm tròn đến hai chữ số thập phân:

Đáp án: 0,79.

Câu 4

Lượng mưa trung bình theo tháng trong năm 2024 tại Nam Định là:

$$(46,3 + 20,6 + 83,8 + 19,6 + 253,0 + 275,0 + 526,0 + 270,8 + 831,8 + 60,6 + 12,3 + 3,7) : 12$$

Tổng lượng mưa là:

$$2403,5$$

mm.

Lượng mưa trung bình là:

$$2403,5 : 12 \approx 200,29$$

mm.

$$200$$

Làm tròn đến hàng đơn vị: mm.

Đáp án: 200.

Câu 5

Chênh lệch mực nước tại trạm Lai Châu là:

$$21,526 - 19,705 = 1,821$$

cm.

Chênh lệch mực nước tại trạm Hòa Bình là:

$$1,642 - 676 = 966$$

cm.

Mức chênh lệch của trạm Lai Châu lớn hơn trạm Hòa Bình là:

$$1,821 - 966 = 855$$

cm.

Đáp án: 855.

Câu 6

Năng suất lúa được tính theo công thức:

$$= \frac{\text{san luong}}{\text{dien tich}}$$

năng suất .

Năm 2021:

$$43,9 : 7,24 \approx 6,0649$$

tấn/ha.

$$6,0649 \times 10 \approx 60,6$$

Đổi ra tạ/ha: tạ/ha.

Năm 2024:

$$43,5 : 7,13 \approx 6,1010$$

tấn/ha.

$$6,1010 \times 10 \approx 61,0$$

Đổi ra tạ/ha: tạ/ha.

Năng suất lúa năm 2024 lớn hơn năm 2021 là:

$$61,0 - 60,6 = 0,4$$

tạ/ha.

Đáp án: 0,4.